

## Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:*

#### 1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

Chủ đầu tư là: Công ty Cổ phần Dệt May Huế.

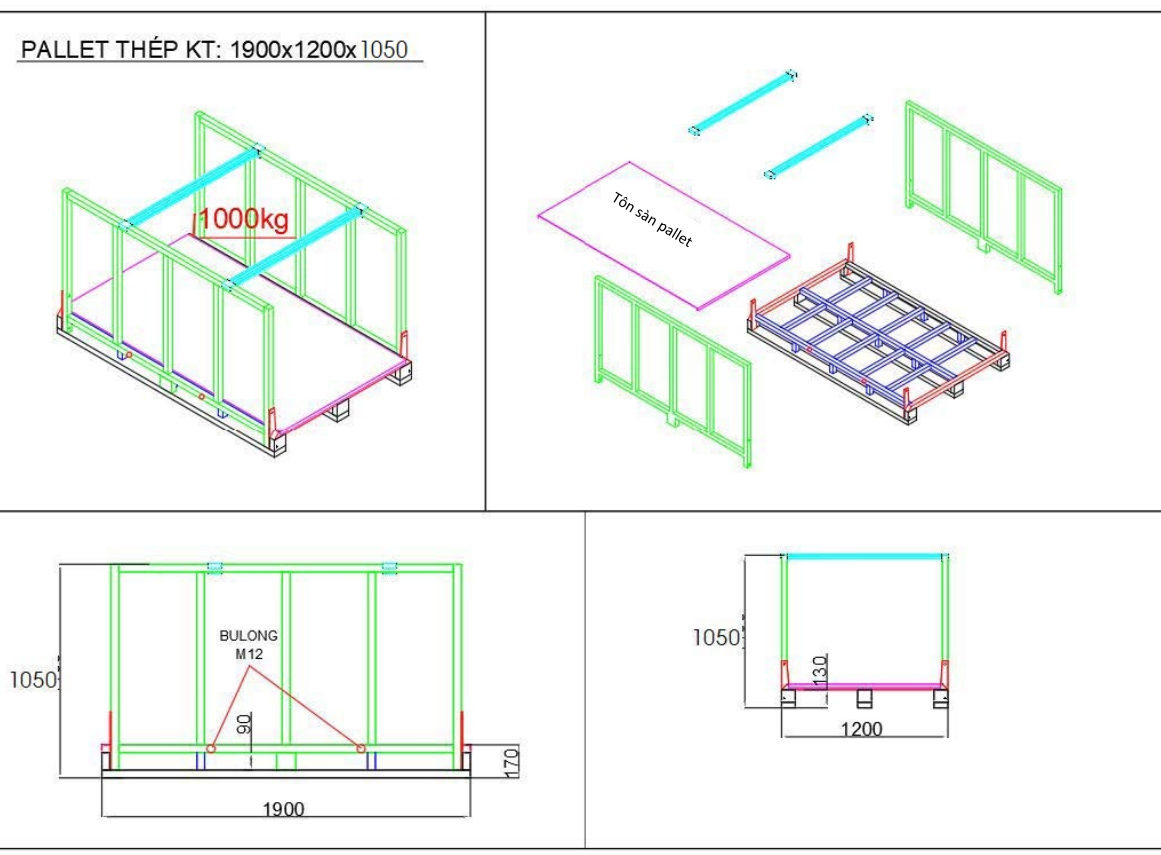
Tên gói thầu: Cung cấp, lắp đặt hệ thống giá kệ, pallet.

Dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy May 3 tầng.


Địa điểm thực hiện dự án: Tại Công ty Cổ phần Dệt May Huế.

Địa chỉ: Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thanh Thủy, Thành phố Huế, Việt Nam.

#### 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Stt	Tên hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan	Đơn vị	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
A	PALLET SẮT	BỘ	900
	<p><u>PALLET THÉP KT: 1900x1200x1050</u></p> 		
<b>I</b>	<b>Yêu cầu kích thước và tải trọng</b>		
1	Chiều dài pallet	mm	1.900 ± 2
2	Chiều rộng pallet	mm	1.200 ± 2
3	Chiều cao pallet	mm	1.050 ± 2

4	Khả năng chịu tải	kg	≥ 1.000
<b>II</b>	<b>Yêu cầu kích thước và tải trọng</b>		
1	Khung đáy		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép theo tiêu chuẩn ASTM A500, JIS G3141 hoặc tương đương</li> <li>- Khung đáy bằng thép hộp mạ kẽm dày ≥ 1,8 mm sơn tĩnh điện 2 lớp (Sai số vật liệu thép ± 0,5%)</li> <li>- Mặt sàn ốp tấm thép mạ kẽm dày ≥ 1 mm sơn tĩnh điện 2 lớp (Sai số vật liệu thép ± 0,5%)</li> </ul>
2	Khung vách 2 bên		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép theo tiêu chuẩn ASTM A500, JIS G3141 hoặc tương đương</li> <li>- Khung vách bằng thép hộp mạ kẽm dày ≥ 1,8 mm, sơn tĩnh điện 2 lớp (Sai số vật liệu thép ± 0,5%)</li> <li>- Khung vách ốp thép mạ kẽm dày ≥ 1 mm sơn tĩnh điện 2 lớp (Sai số vật liệu thép ± 0,5%)</li> </ul>
3	Thanh giằng		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép theo tiêu chuẩn ASTM A500, JIS G3141 hoặc tương đương.</li> <li>- Thanh giằng bằng thép mạ kẽm dày ≥ 1,8 mm, sơn tĩnh điện 2 lớp (Sai số vật liệu thép ± 0,5%)</li> </ul>
<b>II</b>	<b>Yêu cầu về an toàn, lắp ráp hệ thống và bảo hành</b>		
<b>I</b>			
1	An toàn vận hành		- Không có cạnh sắc, gây móc xước cho người và hàng hóa
2	Hệ số tải trọng an toàn		- K=1.25 (Thủ tải tối thiểu 1.250 kg)
3	Lắp ráp khung		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết cấu được lắp bằng bulong chuyên dụng.</li> <li>- Lắp lẩn 100%</li> </ul>
4	Bảo hành		Thời gian bảo hành ≥ 03 năm
5	Khe nâng		Phù hợp càn nâng tiêu chuẩn
<b>B</b>	<b>PALLET NHỰA</b>	<b>BỘ</b>	<b>400</b>

			
1	Chủng loại pallet nhựa		Pallet đúc nguyên khối
2	Chiều dài pallet nhựa (L)	mm	1.200 ± 2
3	Chiều rộng pallet nhựa (W)	mm	1.000 ± 2
4	Chiều cao pallet nhựa (H)	mm	145
5	Vật liệu		Nhựa HDPE nguyên sinh ≥ 98%, kèm phiếu thử vật liệu của cơ quan chức năng
6	Khả năng chịu tải	kg	≥ 1.000
7	Số nút chống trượt bằng cao su		≥ 36 ( nút chống trượt dành cho kệ hàng ).
8	Số đường nâng		4
9	Màu		Xanh dương tiêu chuẩn
10	Bảo hành		Thời gian bảo hành ≥ 02 năm

### **1.3. Các yêu cầu khác**

#### **1.3.1. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa**

Lập thuyết minh chi tiết về biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa và giải pháp kỹ thuật nhằm đạt được các yêu cầu sử dụng, yêu cầu kỹ thuật.

Cử chuyên gia bàn giao hàng hóa cho chủ đầu tư phương án, thử tải để đạt được các thông số như HSMT.

Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt pallet hoàn chỉnh, nghiệm thu đưa vào sử dụng, bảo đảm an toàn cho người và thiết bị khi vận hành sử dụng.

Thông số hàng hóa khi đưa vào sử dụng phải đạt được các thông số kỹ thuật như: kết cấu đảm bảo theo yêu cầu bản vẽ, có bảng tính tải trọng và khả năng thử tải trọng, phải đảm bảo chất lượng đã cam kết đã nêu trong HSMT, đây là điều kiện tiên quyết để thực hiện gói thầu.

#### **1.3.2. Đặc tính kinh tế - kỹ thuật, chứng nhận xuất xứ và chất lượng**

Nhà thầu phải có giấy chứng nhận xuất xứ và chất lượng theo quy định, hàng hóa mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở về sau.

### ***1.3.3. Khả năng thích ứng và tác động đối với môi trường.***

Đáp ứng các quy phạm về tiêu chuẩn an toàn, môi trường mới nhất của nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Tất cả hàng hóa phải được nhiệt đới hoá, phù hợp với khí hậu của Việt Nam. Chịu được nhiệt độ tới 45<sup>0</sup>C và độ ẩm đến 90%, chống ẩm mốc.

### ***1.3.4. Vật tư lắp đặt, thay thế.***

Cung cấp kèm theo pallet số lượng phụ kiện Bulong, ốc vít, lồng đèn, tắc kê .... phục vụ cho công tác lắp đặt hàng hóa.

### ***1.3.5. Bảo hành***

Thời gian bảo hành tối thiểu là 1095 ngày (36 tháng) đối với pallet sắt và 730 ngày ( 24 tháng ) đối với pallet nhựa kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu.

Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với hàng hóa (06 lần trong thời gian bảo hành) do bên bán thực hiện, chi phí do nhà thầu chịu.

### ***1.3.6. Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ.***

#### ***a. Đảm bảo chuyển giao công nghệ sau khi bàn giao hàng hóa.***

Lắp đặt, hiệu chỉnh thử tải pallet.

#### ***b. Dịch vụ sau bán hàng***

Cung cấp các thông tin, hướng dẫn cần thiết khi bên mời thầu có khó khăn trong quá trình sử dụng.

Đảm bảo cung cấp dài hạn vật tư thay thế nhanh nhất khi bên mời thầu có nhu cầu.

Có cam kết dịch vụ kỹ thuật chăm sóc khách hàng hàng năm.

#### ***c. Yêu cầu về chào giá.***

Tất cả các hạng mục của bản chào giá đều có chào giá của từng hạng mục riêng biệt.

**Mục 2. Bản vẽ:** Không có bản vẽ kèm theo.

### **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: thử tải thực tế tại địa điểm bàn giao và đưa vào hoạt động thử.